

Số: 2900/QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân cấp, uỷ quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực quản lý tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm tập trung trong các đơn vị thuộc ngành Hải quan

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 29/06/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Hải quan ngày 14/6/2005;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2298/QĐ-BTC ngày 06/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phân cấp, uỷ quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm tập trung trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, dự án vay nợ, viện trợ thuộc Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài vụ - Quản trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thẩm quyền hướng dẫn cơ chế, chính sách và ban hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức:

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan:

1.1. Hướng dẫn, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách, quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo khung quy định của Nhà nước và Bộ Tài chính cho phù hợp với đặc thù của Ngành để thống nhất thực hiện trong các đơn vị thuộc ngành Hải quan.

1.2. Ban hành định mức trang bị và sử dụng tài sản đặc thù (số lượng, giá trị, thông số kỹ thuật...) theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định để thống nhất thực hiện trong toàn ngành Hải quan.

Vụ Tài vụ Quản trị chủ trì xây dựng trình Tổng cục trưởng xem xét, quyết định đối với các nội dung nêu trên. Các văn bản nêu trên phải gửi Bộ Tài chính để kiểm tra, giám sát và quản lý.

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Hải quan (bao gồm các đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách: Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Văn Phòng Tổng cục Hải quan; Cục Điều tra chống buôn lậu; Cục Kiểm tra sau thông quan; Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan; Viện Nghiên cứu Hải quan; Trung tâm phân tích phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu; Các chi nhánh thuộc Trung tâm phân tích phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu; Báo Hải quan, Trường Hải quan Việt Nam và các đơn vị dự toán khác thuộc Tổng cục Hải quan được thành lập mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền, trong toàn bộ văn bản này được gọi là Đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Hải quan):

Cụ thể hóa cơ chế, chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mức chi trong khung quy định của Tổng cục Hải quan cho phù hợp với đặc thù của đơn vị để thống nhất thực hiện trong toàn đơn vị.

Khi ban hành các văn bản nêu trên, các đơn vị phải gửi Tổng cục Hải quan để kiểm tra, giám sát và quản lý.

Điều 2. Thẩm quyền phê duyệt chiến lược, đề án, dự án, quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, kế hoạch mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ:

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan:

1.1. Phê duyệt chiến lược, đề án, dự án, chương trình hành động tổng thể, dài hạn, trung hạn (05 năm) của Ngành và của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đảm bảo phù hợp với chiến lược, đề án, dự án, chương trình hành động của Bộ Tài chính đã được Bộ trưởng phê duyệt.

1.2. Phê duyệt kế hoạch (vốn đầu tư và danh mục dự án) đầu tư hàng năm đối với nguồn vốn chi hỗ trợ đầu tư xây dựng của Ngành thực hiện các dự án đầu tư có tổng mức vốn đầu tư dưới 5 tỷ đồng và các dự án cải tạo sửa chữa (gồm: nhà cửa, vật kiến trúc, cơ sở hạ tầng khác) của các đơn vị trong Ngành (trừ các dự án cải tạo sửa chữa làm tăng quy mô có tổng mức vốn đầu tư từ 5 tỷ đồng trở lên).

1.3. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán mua sắm hàng năm của các đơn vị trong Ngành đối với các tài sản (trừ tài sản đặc thù chưa được cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức trang bị) và hàng hóa, dịch vụ sau:

- Mô tô;
- Các phương tiện thủy (không bao gồm tàu và ca nô);
- Vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ;

- Cân ô tô;
- Thiết bị phân tích phân loại;
- Thiết bị, dụng cụ kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;
- Hệ thống thông tin liên lạc;
- Máy phát điện;
- Chi đoàn ra, đoàn vào và đào tạo.

1.4. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm đối với các nội dung thay thế, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị công nghệ thông tin có tính chất Ngành (từ 2 đơn vị dự toán sử dụng trở lên).

1.5. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán nâng cấp, sửa chữa lớn, bảo trì, bảo dưỡng đối với các tài sản của các đơn vị trong Ngành là: Xe ô tô, tàu và ca nô, máy soi, hệ thống camera giám sát, thiết bị phân tích, phân loại có dự toán chi phí từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

Vụ Tài vụ Quản trị chủ trì thẩm định trình Tổng cục trưởng xem xét, quyết định đối với các nội dung nêu trên (trừ gạch đầu dòng (-) thứ chín khoản 1.3 Điều này). Các văn bản phê duyệt nêu trên phải gửi Bộ Tài chính để kiểm tra, giám sát và quản lý.

Trong khả năng bố trí kinh phí hàng năm, Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì thẩm định trình Tổng cục trưởng xem xét phê duyệt kế hoạch, danh mục đào tạo; Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì thẩm định trình Tổng cục trưởng xem xét phê duyệt kế hoạch, danh mục đoàn ra, đoàn vào.

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Hải quan:

2.1. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán mua sắm hàng năm của đơn vị đối với các tài sản (trừ xe ô tô các loại, tàu và ca nô các loại, máy soi các loại, hệ thống camera giám sát, các tài sản đặc thù chưa được cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức trang bị) và hàng hóa, dịch vụ khác ngoài danh mục quy định tại khoản 1.3 Điều này.

2.2. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm đối với các nội dung mua sắm nhỏ lẻ, thay thế, nâng cấp, bảo trì trang thiết bị công nghệ thông tin của đơn vị.

2.3. Phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán nâng cấp, sửa chữa lớn, bảo trì, bảo dưỡng đối với các tài sản của đơn vị (trừ nội dung quy định tại khoản 1.2 và khoản 1.5 Điều này).

Các văn bản phê duyệt nêu trên phải gửi Tổng cục Hải quan để kiểm tra, giám sát và quản lý.

Điều 3. Lĩnh vực quản lý tài chính:

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan:

1.1. Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm của Tổng cục Hải quan để báo cáo Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

1.2. Phê duyệt phương án phân bổ dự toán ngân sách của Tổng cục Hải quan cho các đơn vị dự toán trong Ngành.

1.3. Giao dự toán, điều chỉnh dự toán cho các đơn vị dự toán trong Ngành.

1.4. Nhập số liệu phân bổ ngân sách của toàn bộ các đơn vị dự toán trong Ngành vào hệ thống Tabmis theo đúng quy định của Bộ Tài chính, đảm bảo thực hiện quản lý, theo dõi thống nhất các nội dung dự toán trong hệ thống Tabmis, bao gồm:

- a. Dự toán chi thường xuyên, giao thực hiện tự chủ.
- b. Dự toán chi hỗ trợ đầu tư xây dựng.
- c. Dự toán chi cải tạo, sửa chữa lớn.
- d. Dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin.
- đ. Dự toán chi mua sắm tài sản.
- e. Dự toán chi nghiệp vụ chuyên môn đặc thù.
- g. Dự toán chi đoàn ra.
- h. Dự toán chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.
- i. Dự toán chi nghiên cứu các đề tài khoa học.
- k. Dự toán chi khác (ngoài các nội dung dự toán trên).

1.5. Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm đối với các đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Hải quan.

1.6. Tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm của Tổng cục Hải quan để báo cáo Bộ Tài chính xem xét, thẩm định.

Vụ Tài vụ Quản trị có nhiệm vụ tổng hợp, thẩm định trình Tổng cục trưởng xem xét, phê duyệt đối với các nội dung nêu trên (trừ nội dung 1.4). Đối với nội dung 1.4: Vụ Tài vụ - Quản trị có trách nhiệm giúp Tổng cục trưởng tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy định.

Vụ trưởng Vụ Tài vụ Quản trị được thực hiện một số nội dung đã được Tổng cục trưởng ủy quyền theo Quy chế làm việc do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành.

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Hải quan:

Thực hiện xây dựng dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, hướng dẫn của Bộ Tài chính và của Tổng cục Hải quan trong đó:

2.1. Được giao, điều chỉnh dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán cấp 3 thuộc đơn vị.

2.2. Chịu trách nhiệm phối hợp với đơn vị dự toán cấp trên cung cấp hồ sơ, tài liệu để thực hiện số liệu phân bổ dự toán vào hệ thống Tabmis.

Điều 4. Lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng:

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan:

1.1. Quyết định đầu tư xây dựng và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các dự án nhóm B, C có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên.

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan uỷ quyền cho Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc Tổng cục quyết định đầu tư xây dựng và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng.

1.2 Thẩm định quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo niên độ ngân sách hàng năm của các Chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý, tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

Vụ Tài vụ Quản trị chủ trì thẩm định trình Tổng cục trưởng xem xét, quyết định đối với các nội dung nêu trên.

1.3 Quyết định thành lập Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng thuộc Vụ Tài vụ quản trị và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng để quản lý vốn đầu tư xây dựng đối với các dự án do Vụ Tài vụ quản trị làm chủ đầu tư.

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Hải quan:

Thực hiện uỷ quyền của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định đầu tư xây dựng và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng.

Thủ trưởng đơn vị được uỷ quyền quyết định đầu tư theo quy định tại điểm 1.1 Điều này trước khi quyết định đầu tư xây dựng phải có văn bản báo cáo và được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chấp thuận bằng văn bản về nguồn vốn đầu tư (đối với dự án được uỷ quyền) và phương án quy hoạch kiến trúc đối với dự án đầu tư xây dựng, cải tạo mở rộng (làm tăng quy mô) trụ sở làm việc có tổng mức đầu tư từ 5 tỷ đồng trở lên.

3. Chủ đầu tư xây dựng công trình:

3.1. Căn cứ tình hình thực tế quản lý và năng lực quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản, cấp quyết định đầu tư được quy định tại điểm 1.1 Điều này quyết định cụ thể Chủ đầu tư (không giao Chủ đầu tư đối với cấp Chi cục).

Vụ Tài vụ quản trị thuộc Tổng cục Hải quan là Chủ đầu tư đối với các dự án quan trọng thúc đẩy cải cách, hiện đại hóa trong hệ thống Hải quan do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan giao.

Vụ Tài vụ Quản trị có trách nhiệm tổ chức đánh giá năng lực làm chủ đầu tư của các đơn vị trong Ngành để báo cáo Tổng cục trưởng xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

3.2 Đối với từng dự án cụ thể, chủ đầu tư phải thành lập Ban quản lý dự án hoặc quyết định thuê tư vấn quản lý dự án phù hợp theo quy định của pháp luật về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Riêng quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản các công trình thuộc Tổng cục giao Vận Tài vụ Quản trị làm chủ đầu tư và Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng thuộc Vận Tài vụ Quản trị được quản lý vốn đầu tư xây dựng theo quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng.

3.3. Chủ đầu tư phải báo cáo Tổng cục Hải quan về quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo niên độ ngân sách hàng năm theo quy định.

Điều 5. Lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước:

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan:

1.1. Quyết định việc mua, nhận chuyển giao quyền sử dụng đất (hoặc trụ sở làm việc) theo chủ trương đã được Bộ trưởng phê duyệt.

1.2. Quyết định thuê và thuê bổ sung trụ sở làm việc phục vụ hoạt động của các đơn vị trong ngành theo đúng quy định của nhà nước, của Bộ Tài chính về thuê trụ sở làm việc.

1.3. Quyết định thuê tài sản khác phục vụ hoạt động của các đơn vị có chi phí thuê từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

1.4. Quyết định thu hồi tài sản (trừ nhà, đất, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thu hồi dưới 5 tỷ/01 đơn vị tài sản do sử dụng không đúng mục đích, không có nhu cầu sử dụng, vượt tiêu chuẩn, định mức theo quy định của nhà nước, Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan.

1.5. Quyết định điều chuyển tài sản được hình thành sau khi dự án đầu tư xây dựng do Vận Tài vụ quản trị thuộc Tổng cục Hải quan thực hiện cho đơn vị quản lý, sử dụng trong ngành Hải quan (đơn vị không được giao nhiệm vụ làm Chủ đầu tư).

1.6 Quyết định điều chuyển tài sản là bất động sản (nhà, đất, vật kiến trúc và bao gồm cả quyền sử dụng đất) giữa các đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Hải quan.

1.7. Quyết định điều chuyển tài sản là động sản giữa các đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Hải quan.

1.8. Quyết định bán tài sản là động sản (trừ xe ô tô các loại) có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm bán tài sản từ 500 triệu đồng đến dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

1.9. Quyết định thanh lý tài sản nhà nước là nhà, công trình xây dựng khác (không bao gồm quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thanh lý từ 500 triệu đồng đến dưới 5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng khác trên khuôn viên đất mượn của địa phương

do không còn nhu cầu sử dụng để trả lại đất cho địa phương) trừ trường hợp quy định tại khoản 2.6 và khoản 3 điều này.

1.10. Quyết định thanh lý tài sản là động sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, xe ô tô các loại, vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ (trừ chó nghiệp vụ) đủ điều kiện thanh lý theo quy định của Nhà nước, Bộ Tài chính và của Ngành.

Vụ Tài vụ Quản trị chủ trì thẩm định trình Tổng cục trưởng xem xét, quyết định đối với các nội dung nêu trên. Đối với những tài sản vượt thẩm quyền xử lý của Tổng cục trưởng, Vụ Tài vụ Quản trị chịu trách nhiệm thẩm định trình Tổng cục trưởng để báo cáo Bộ Tài chính quyết định xử lý theo quy định

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Hải quan:

2.1. Quyết định thuê tài sản khác (không bao gồm trụ sở làm việc) phục vụ hoạt động của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với các tài sản có tổng chi phí thuê dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

2.2. Quyết định bán tài sản là động sản (trừ xe ô tô các loại, vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ) có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm bán tài sản dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

2.3. Quyết định thanh lý tài sản nhà nước là nhà, công trình xây dựng khác (không bao gồm quyền sử dụng đất) có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thanh lý dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng khác trên khuôn viên đất mượn của địa phương không còn nhu cầu sử dụng để trả lại đất cho địa phương).

2.4. Quyết định thanh lý tài sản là động sản (trừ xe ô tô các loại, vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ) có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm thanh lý dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; Chó nghiệp vụ đủ điều kiện thanh lý theo quy định của Nhà nước, Bộ Tài chính và của Ngành; thanh hủy ấn chỉ hết hiệu lực và giá trị sử dụng theo quy định.

2.5. Quyết định điều chuyển các tài sản là động sản trong phạm vi đơn vị quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị. Việc sắp xếp, điều chuyển phải phù hợp với tiêu chuẩn, định mức của nhà nước, của Bộ Tài chính và của ngành. Riêng các tài sản là xe ô tô, sau khi sắp xếp, điều chuyển các đơn vị phải báo cáo Tổng cục để theo dõi quản lý.

2.6. Quyết định thanh lý nhà cửa, vật kiến trúc theo quy hoạch của cấp có thẩm quyền hoặc bị hư hỏng thiên tai gây ra.

3. Chủ đầu tư quyết định thanh lý, phá dỡ nhà cửa, vật kiến trúc trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Lĩnh vực kiểm tra, kiểm toán nội bộ:

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan:

1.1. Phê duyệt kế hoạch chi tiết kiểm tra, kiểm toán nội bộ hàng năm của các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan theo kế hoạch đã được Bộ Tài chính phê duyệt.

1.2. Quyết định kiểm tra, kiểm toán nội bộ đột xuất các đơn vị, cá nhân trong ngành Hải quan.

1.3. Ban hành thông báo kết quả kiểm tra, kiểm toán nội bộ đối với các đơn vị được kiểm tra, kiểm toán do Tổng cục Hải quan tổ chức thực hiện.

1.4. Giải quyết khiếu nại đối với các kết luận, kiến nghị kiểm tra, kiểm toán nội bộ do đơn vị cấp dưới trực tiếp ban hành.

Vụ trưởng Vụ Tài vụ Quản trị được thực hiện một số nội dung đã được Tổng cục trưởng uỷ quyền theo Quy chế làm việc do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành.

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Hải quan: Thực hiện công tác tự kiểm tra nội bộ hàng năm tại đơn vị theo quy định.

Điều 7. Lĩnh vực quản lý ứng dụng công nghệ thông tin:

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan:

1.1. Thực hiện uỷ quyền của Bộ trưởng về quyết định đầu tư đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin nhóm B, nhóm C trong phạm vi ngành Hải quan, phù hợp với chủ trương đầu tư đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

1.2. Quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại khoản 1.1 Điều này.

1.3. Quyết định phê duyệt và tổ chức thực hiện mua sắm các nội dung liên quan đến công nghệ thông tin phải lập đề cương, dự toán chi tiết có tính chất ngành (từ 2 đơn vị dự toán sử dụng trở lên).

Vụ Tài vụ Quản trị có nhiệm vụ chủ trì thẩm định các nội dung nêu trên trình Tổng cục trưởng xem xét, quyết định.

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Hải quan:

Phê duyệt các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong phạm vi đơn vị quản lý trừ nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ đầu tư dự án ứng dụng công nghệ thông tin:

3.1. Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan là Chủ đầu tư đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin do Tổng cục trưởng quyết định đầu tư theo uỷ quyền được quy định tại khoản 1.1 Điều này.

3.2. Trường hợp do mục tiêu, yêu cầu, tính chất của dự án và các điều kiện khác: Tổng cục trưởng lựa chọn đơn vị khác thuộc Tổng cục làm Chủ đầu

tư hoặc tự làm Chủ đầu tư. Chủ đầu tư dự án không được đồng thời là đơn vị đầu mối được giao nhiệm vụ thẩm định dự án.

Điều 8. Thực hiện mua sắm tập trung:

1. Đối tượng, điều kiện mua sắm tập trung:

1.1. Đối tượng:

- a. Xe ô tô các loại;
- b. Hàng hoá, dịch vụ công nghệ thông tin (trừ nội dung mua sắm nhỏ lẻ, thay thế đột xuất);
- c. Máy soi các loại (mua sắm, lắp đặt không gắn với dự án đầu tư xây dựng công trình);
- d. Hệ thống camera giám sát (mua sắm, lắp đặt không gắn với dự án đầu tư xây dựng công trình);
- đ. Trang phục;
- e. In, mua: Ấn chỉ, niêm phong, lịch, sách và tài liệu phục vụ tuyên truyền toàn Ngành;
- f. Vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ;
- g. Máy phát điện;
- h. Bảo hiểm cháy nổ;
- i. Trang thiết bị văn phòng (máy photocopy, máy điều hoà nhiệt độ, máy fax, điện thoại, bàn ghế, tủ);
- k. Các loại trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng khác theo quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

1.2. Việc mua sắm tập trung các tài sản, hàng hoá, dịch vụ nêu trên phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- a. Mua sắm, trang bị đồng bộ, sử dụng chung trong toàn Tổng cục hoặc trong toàn Cục.
- b. Mua sắm, trang bị đồng bộ cho nhiều đơn vị với tổng giá trị mua sắm lớn và đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả hơn so với việc giao cho từng đơn vị thực hiện mua sắm riêng.

1.3. Quy định tổ chức thực hiện mua sắm tập phải đảm bảo nguyên tắc:

- Mua sắm tập trung tại Tổng cục đối với tài sản, hàng hoá, dịch vụ mua sắm, trang bị cho các đơn vị trực thuộc.
- Mua sắm tập trung tại cấp Cục đối với các tài sản, hàng hoá, dịch vụ mua sắm trang bị cho các đơn vị trong phạm vi của cấp Cục.

2. Thực hiện mua sắm tập trung tại Tổng cục Hải quan: đối với các nội dung được quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, f, k khoản 1.1 Điều này và một số

tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác theo quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

3. Thực hiện mua sắm tập trung tại cấp Cục: Đối với các nội dung tại khoản 1.1 (trừ nội dung quy định tại khoản 2) Điều này.

4. Việc mua sắm tập trung thực hiện theo Quy chế mua sắm tập trung tài sản, hàng hoá, dịch vụ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Điều 9. Tổ chức thực hiện:

1. Thủ trưởng các đơn vị được phân cấp, uỷ quyền tại Quyết định này có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh quy định về việc phân cấp và uỷ quyền tại Quyết định số 2298/QĐ-BTC ngày 06/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quy định tại Quyết định này.

2. Vụ Tài vụ Quản trị:

2.1. Nghiên cứu, hướng dẫn, cụ thể hoá các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định tại Quyết định này để thống nhất thực hiện trong toàn Ngành.

2.2. Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện phân cấp, uỷ quyền các lĩnh vực quản lý của các đơn vị trong toàn Ngành.

2.3. Kịp thời đề xuất báo cáo Tổng cục trưởng xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp, uỷ quyền trong các lĩnh vực quản lý cho phù hợp.

3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Hải quan:

3.1. Chịu trách nhiệm toàn diện trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo phân cấp, uỷ quyền.

3.2. Chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổng cục trưởng về việc khiếu nại, khiếu kiện, tố cáo trong việc thực hiện các lĩnh vực quản lý của đơn vị.

3.3. Nghiêm túc chấp hành chế độ báo cáo theo quy định của Tổng cục Hải quan.

Điều 10. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 995/QĐ-TCHQ ngày 10/5/2012 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc phân cấp, uỷ quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực quản lý tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu, mua sắm tập trung trong các đơn vị thuộc ngành Hải quan và Quyết định số 2224/QĐ-TCHQ ngày 27/6/2013 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 995/QĐ-TCHQ về phân cấp, uỷ quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực quản lý tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu, mua sắm tập trung trong các đơn vị thuộc ngành Hải quan. Các quy định trước đây của Tổng cục Hải quan trái với quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 11. Vụ trưởng Vụ Tài vụ Quản trị, Chánh Văn phòng Tổng cục Hải quan, Thủ trưởng các đơn vị dự toán và đơn vị có liên quan thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Tổng cục trưởng (để báo cáo);
- Cục KHTC-Bộ TC (để báo cáo);
- Trang Website Hải quan;
- Lưu: VT, TVQT (5b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Hoàng Việt Cường